

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 152/2025/HS-PT

Ngày: 11 - 7 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần, ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 139/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo bị cáo Lê Khánh T và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HSST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Khánh T**; sinh ngày 01/12/1989, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Quang T1**; Sinh ngày 01/01/1973, tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh C, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1934 (đã chết); Bị cáo vợ vợ là Nguyễn Thị G, sinh năm 1973 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Duy H; Sinh ngày: 05/02/1987, tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: cơ khí; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm T2, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Hà Thị T3, sinh năm 1951. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 và có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án: Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 519/2021/HS-PT ngày 21/12/2021, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, về tội “Đánh bạc”. (Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt).

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Văn T4; Sinh ngày 02/01/1989, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Ngọc N1, sinh năm 1950 và bà Lý Thị N2, sinh năm 1963. Bị cáo có vợ là Trần Thị Bảo U, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2021;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 05/3/2024, bị Công an thị xã B xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc;

Nhân thân: Ngày 09/7/2013, bị Công an thị xã B xử phạt Vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Trung H1; Sinh ngày 10/10/1972, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T5, sinh năm 1925 và bà Võ Thị C1, sinh năm 1926 (đều đã chết). Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979 (đã ly hôn), vợ thứ 2 là Phan Thị Thanh H3, sinh năm 1989 và có 04 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2020/HS-ST ngày 27/4/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (Bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Thanh T6; Sinh ngày: 14/8/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S, sinh năm 1967 và bà Trần Thị X, sinh năm 1970; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T7, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án: tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 114/2015/HSPT ngày 14/4/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, về tội Cố ý gây thương tích (Bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Hà Ngọc D1; Sinh ngày: 16/01/1992, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Ngọc D2, sinh năm 1967 và bà Trương Thị H4, sinh năm 1970; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 05/3/2024, bị Công an thị xã B xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Phi H5; Sinh ngày 23/9/1996, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H6, sinh năm 1976 và bà Huỳnh Thị Lệ T8, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Vào ngày 23/6/2023, bị Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc (Đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 07/11/2024, trong lúc ngồi uống cà phê thì Lê Khánh T rủ Trần Quang T1, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Lê Thanh T6, Hà Ngọc D1, Phạm Phi H5 đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, T rủ mọi người đến chòi rầy của ông Nguyễn Thanh K (sinh năm 1985, trú thường tại số A đường A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) thuộc thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để cùng nhau đánh bạc. Tại chòi rầy, T lấy 01 đĩa nhựa và 01 bát sứ có sẵn tại chòi, còn H lấy 01 (một) cái kéo có sẵn trong chòi rồi cắt quân bài trong bộ tứ lơ khơ thành 04 con vị, rồi cùng nhau ngồi trên phản gỗ đã trải sẵn chiếu nhựa trong chòi rầy của ông K để đánh bạc. Để tham gia đánh bạc, T mang theo số tiền 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng); T1 mang theo số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng); H mang theo số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng); T4 mang theo số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); H1 mang theo số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng); T6 mang theo số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); D1 mang theo số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng); H5 mang theo số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhằm mục đích sử dụng vào việc đánh bạc. Sau khi chuẩn bị xong, T1 là người làm cái, xóc cho các đối tượng trên tham gia đánh bạc. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, khi T1, H, T4, H1, T6, T, D1, H5 đang đánh bạc được thua bằng tiền thì bị lực lượng Công an huyện K kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ số tiền trên chiếu bạc 50.800.000đ (năm mươi triệu tám trăm nghìn đồng) và toàn bộ dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc. Ngoài ra thu giữ trên người của H5 3.000.000 đồng, của T4 11.000.000 đồng, của H1 5.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 69.800.000 đồng (sáu mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HSST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Trần Quang T1, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Lê Thanh T6, Lê Khánh T, Hà Ngọc D1, Phạm Phi H5 về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Khánh T: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Quang T1: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T4: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Xử phạt bị cáo Hà Ngọc D1: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T6: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Phi H5: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Phạm Duy H: 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt bị cáo Phạm Duy H chưa chấp hành tại bản án số: 519/2021/HS- PT ngày 21/12/2021, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, về tội Đánh bạc, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H1: 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 01/4/2025, 02/4/2025, 04/4/2025 các bị cáo Trần Quang T1, Phạm Duy H, Nguyễn Trung H1, Phạm Phi H5, Lê Khánh T, Lê Thanh T6, Hà Văn T4, Hà Ngọc D1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Trần Quang T1, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Lê Thanh T6, Lê Khánh T, Hà Ngọc D1, Phạm Phi H5 về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản

2 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với các bị cáo Lê Khánh T, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Hà Ngọc D1, Phạm Phi H5, thấy rằng đối với bị cáo Lê Khánh T là người khởi xướng, bị cáo Phạm Duy H phạm tội trong thời gian chấp hành bản án treo và bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm, các bị cáo Hà Văn T4, Hà Ngọc D1, Phạm Phi H5 và Nguyễn Trung H1 đều là người có tiền sự và nhân thân xấu nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo.

Đối với bị cáo Trần Quang T1 là người phạm tội lần đầu, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, tương tự đối với bị cáo Lê Thanh T6, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ ngày 10/9/2008 đến ngày 29/01/2010 xuất ngũ trở về địa phương, bản thân bị cáo đang bị bệnh ung thư, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó các bị cáo T1 và T6 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1 và T6 cho các bị cáo được hưởng án treo.

Do đó, đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Khánh T, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Hà Ngọc D1, Phạm Phi H5. Giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về hình phạt.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Quang T1 và Lê Thanh T6 về biện pháp chấp hành hình phạt. Xử phạt bị cáo Trần Quang T1, Lê Thanh T6 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 07/11/2024, tại chòi rẫy của ông Nguyễn Thanh K thuộc thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Trần Quang T1, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Lê Thanh T6, Lê Khánh T, Hà Ngọc D1, Phạm Phi H5 cùng nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Khi tham gia đánh bạc, bị cáo T mang theo số tiền 10.800.000 đồng; bị cáo T4 mang theo số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo H5 mang

theo số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo H1 mang theo số tiền 8.000.000 đồng; bị cáo T6 mang theo số tiền 7.500.000 đồng; bị cáo D1 mang theo số tiền 7.000.000 đồng; bị cáo T1 mang theo số tiền 6.000.000 đồng và bị cáo H mang theo số tiền 5.500.000 đồng nhằm mục đích sử dụng vào việc đánh bạc. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày khi các bị cáo đang tham gia đánh bạc, thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện K kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 50.800.000 đồng và các dụng cụ sử dụng vào việc đánh bạc. Ngoài ra, thu giữ trên người của các bị cáo H5 3.000.000 đồng, T4 11.000.000 đồng, H1 5.000.000 đồng. **Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 69.800.000 đồng (sáu mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).**

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Quang T1, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Lê Thanh T6, Lê Khánh T, Hà Ngọc D1, Phạm Phi H5 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ và bảo đảm đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Khánh T, thấy rằng mặc dù bị cáo có nhân thân tốt nhưng bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc, khi các bị cáo khác đồng ý, bị cáo rủ đến chòi rẫy của ông Nguyễn Thanh K để cùng nhau đánh bạc. Bản thân bị cáo sử dụng số tiền 10.800.000đ vào mục đích đánh bạc, số tiền bị cáo đánh bạc nhiều thứ hai trong nhóm các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Hà Văn T4, Hà Ngọc D1, Nguyễn Trung H1 và Phạm Phi H5 thấy rằng các bị cáo là người trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo T4 sử dụng số tiền 15.000.000đ, bị cáo D1 sử dụng số tiền 7.000.000đ, bị cáo H1 sử dụng số tiền 8.000.000đ và bị cáo H5 sử dụng số tiền 10.000.000đ vào mục đích đánh bạc, bản thân bị cáo Hà Văn T4, Hà Ngọc D1 đều có tiền sự vào ngày 05/3/2024, bị Công an thị xã B xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc, trong thời gian chưa được xóa tiền sự thì các bị cáo tiếp tục phạm tội đánh bạc; Ngoài ra bị cáo Hà Văn T4, Hà Ngọc D1, Nguyễn Trung H1 và Phạm Phi H5 là những người có nhân thân xấu, các bị cáo đã xử phạt hành chính, bị xét xử về hành vi đánh bạc, tuy các bị cáo đã chấp hành xong và được xóa tiền sự, án tích trước đó, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không chịu sửa đổi bản thân. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và áp dụng mức hình phạt 03 năm tù đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng

với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Hà Ngọc D1 có cung cấp thêm giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên mức hình phạt 03 năm tù là thỏa đáng, việc áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[2.3] Đối với bị cáo Phạm Duy H: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện mẹ bị cáo là bà Hà Thị Thà L1 đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 được địa phương xác nhận, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhưng tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo là thiếu sót. Tuy nhiên, mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là đã thỏa đáng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và phạm tội trong thời gian đang chấp hành án treo, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với Bản án số 519/2021/HS-PT ngày 21/12/2021, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo mà bị cáo chưa chấp hành xong là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Bản án số 519/2021/HS-PT ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật xác định trong vụ án bị cáo được hưởng án treo, bị cáo Phạm Duy H đã bị tạm giữ từ ngày 31/3/2019 đến ngày 09/4/2019 nên căn cứ Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 25/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 25/5/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ trên. Tòa án cấp sơ thẩm chưa khấu trừ thời gian tạm giữ trên cho bị cáo là thiếu sót, do đó cấp phúc thẩm cần khấu trừ cho bị cáo theo quy định.

[2.4] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Quang T1 và Lê Thanh T6, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mức hình phạt 03 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng. Tuy nhiên, đối với bị cáo Trần Quang T1 là người phạm tội lần đầu, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới thể hiện: bị cáo hiện đang phải điều trị bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, bệnh thận mạn tính; Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn thì sau khi ly hôn bị cáo phải nuôi con chưa thành niên đang tuổi ăn học, cần có người chăm sóc, nuôi dưỡng thường xuyên; Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Lê Thanh T6 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ ngày 10/9/2008 đến ngày 29/01/2010 xuất ngũ trở về địa phương. Mặc dù bị cáo có nhân thân xấu nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bản thân bị cáo đang bị bệnh ung thư có bệnh án của Bệnh viện ung bướu Thành phố H, cần phải thăm khám điều trị thường xuyên; điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều Điều 51 của Bộ luật hình

sự cần áp dụng đối với bị cáo T1 và T6. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Như vậy, các bị cáo T1 và T6 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo tự cải tạo tại chỗ, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, không ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo. Nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Quang T1 và Lê Thanh T6 sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Khánh T, Phạm Duy H, Hà Ngọc D1, Nguyễn Trung H1, Hà Văn T4 và Phạm Phi H5 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Quang T1 và Lê Thanh T6 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Khánh T, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Hà Ngọc D1 và Phạm Phi H5. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2025/HS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk về mức hình phạt đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Quang T1 và Lê Thanh T6. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2025/HS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

Tuyên xử:

[1] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Khánh T** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Xử phạt bị cáo **Hà Văn T4** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Xử phạt bị cáo **Hà Ngọc D1** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

Xử phạt bị cáo **Phạm Phi H5** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

[2] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung H1** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024.

[3] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Phạm Duy H** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt bị cáo Phạm Duy H chưa chấp hành tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 519/2021/HS-PT ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, về tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/11/2024 và thời hạn tạm giữ từ ngày 31/3/2019 đến ngày 09/4/2019.

[4] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quang T1** 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thanh T6** 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Trần Quang T1 và Lê Thanh T6 cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Khánh T, Phạm Duy H, Hà Văn T4, Nguyễn Trung H1, Hà Ngọc D1 và Phạm Phi H5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND phúc thẩm Tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 8;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (LLTP);
- Phường B, tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án tỉnh Đắk Lắk
- Phòng thi hành án khu vực 8;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương